

Số: 55/2018/TT-BTC

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2018

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của 07 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thu phí trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của 07 Thông tư quy định thu phí trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 185/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Tổ chức thu phí là Tổng cục Môi trường trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; nộp số tiền phí thu được theo tỷ lệ quy định tại Điều 5 Thông tư này vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Quản lý và sử dụng phí

1. Tổ chức thu phí phải nộp 100% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động thẩm định, thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp tổ chức thu phí thuộc diện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí thì được trích để lại 90% trên tổng số tiền phí thẩm định thực thu được để chi cho hoạt động thẩm định, thu phí và nộp 10% vào ngân sách nhà nước. Tiền phí được để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; trong đó, các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí, bao gồm cả: Chi phí cho hoạt động kiểm tra, đánh giá và tổ chức họp của Tổ chuyên gia; Hội đồng thẩm định (bao gồm cả chi nhận xét, báo cáo thẩm định) điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; mức chi theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).”

Điều 2. Sửa đổi khoản 2 Điều 2 Thông tư số 186/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận an toàn sinh học biến đổi gen như sau:

“2. Tổ chức thu phí là Tổng cục Môi trường trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Thông tư số 190/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản như sau:

“Điều 2. Tổ chức thu phí và người nộp phí

1. Tổ chức, cá nhân khi đề nghị khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản từ Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Tạp chí địa chất trực thuộc Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường phải nộp phí theo quy định tại Thông tư này.

2. Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Tạp chí địa chất trực thuộc Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện thu phí theo quy định tại Thông tư này.”

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Thông tư này quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ do nhà nước quản lý tại: Trung tâm Thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ và Chi cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý phía Nam trực thuộc Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường; các đơn vị có chức năng tiếp nhận, lưu trữ, quản lý và cung cấp thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Tổ chức thu phí gồm: Trung tâm Thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ, Chi cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý phía Nam trực thuộc Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường; các đơn vị có chức năng tiếp nhận, lưu trữ, quản lý và cung cấp thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.”

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Thông tư số 197/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn như sau:

“Điều 2. Tổ chức thu phí và người nộp phí

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi đề nghị Trung tâm Quan trắc khí tượng thủy văn, Trung tâm Thông tin và Dữ liệu khí tượng thủy văn, Liên đoàn Khảo sát khí tượng thủy văn và các Đài khí tượng thủy văn khu vực trực thuộc Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn phải nộp phí, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này.

2. Tổ chức thu phí bao gồm: Trung tâm Quan trắc khí tượng thủy văn, Trung tâm Thông tin và Dữ liệu khí tượng thủy văn, Liên đoàn Khảo sát khí tượng thủy văn và các Đài khí tượng thủy văn khu vực trực thuộc Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Bộ Tài nguyên và Môi trường.”

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 Thông tư số 294/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo như sau:

“2. Trung tâm Thông tin, dữ liệu biển và hải đảo quốc gia trực thuộc Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện thu phí theo quy định tại Thông tư này.”

Điều 7. Sửa đổi khoản 2 Điều 2 Thông tư số 62/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất như sau:

“2. Tổng cục Môi trường trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường và Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện thu phí theo quy định tại Thông tư này.”

Điều 8. Hiệu lực thi hành

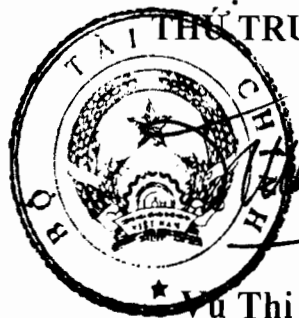
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5). 360

**KT. BỘ TRƯỞNG
TÀI CHÍNH**



Vũ Thị Mai